

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cho biết sẽ tăng lãi suất 0.25% vào tháng 7 và dự kiến có một đợt tăng nữa sẽ diễn ra vào tháng 9/2022

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

SHS, SSI

## [Quan điểm đầu tư]

Sau khi đã chốt lời các vị thế ngắn hạn trong những phiên trước, NĐT có thể kê mua trở lại quanh vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức thấp

10/06/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,284.08	-1.81
VN30	1,325.69	-1.28
HĐTL VN30F1M	1,311.10	-1.81
HNXIndex	306.44	-2.01
HNX30	557.80	-3.09
UPCoM	93.72	-1.23
USD/VND	23,178	-0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.15	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.39	+9
Dầu (WTI, \$)	121.35	-0.13
Vàng (LME, \$)	1,845.45	-0.14



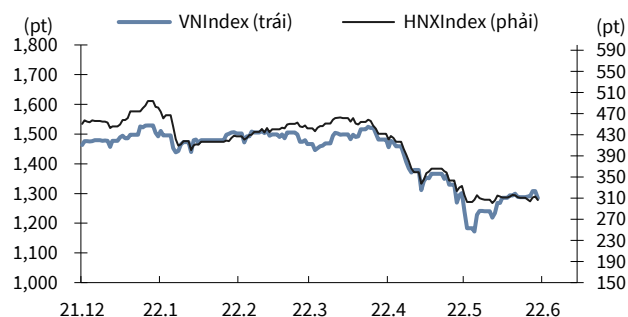
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,284.08 (-1.81%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>603.3 (+48.8%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>731.6 (+33.8%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>306.44 (-2.01%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>98.4 (+29.5%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>90.1 (+60.4%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>93.72 (-1.23%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>87.8 (+79.7%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>71.5 (+55.3%)</b>

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cho biết sẽ tăng lãi suất 0.25% vào tháng 7 và dự kiến có một đợt tăng nữa sẽ diễn ra vào tháng 9/2022. Trung Quốc tái phong tỏa một số khu vực tại Bắc Kinh và Thượng Hải khiến gia tăng rủi ro khách hàng ở Trung Quốc gặp khó khăn trong việc mua bột giấy nhập khẩu và nhu cầu giấy, giá giấy thấp khiến cổ phiếu nhóm giấy giảm giá ở DHC (-1%), HAP (-0.7%). Phó Thủ tướng Lê Văn Thành cho biết Chính phủ quyết tâm thực hiện bằng được mục tiêu hoàn thành 3,000 km đường cao tốc vào 2025 và 5,000 km đường cao tốc vào 2030 tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm nguyên vật liệu ở BCC (+1.7%), HT1 (+1.7%). Khối ngoại mua ròng ở STB (-1.8%), HDB (-0.4%), DGC (+0.8%).

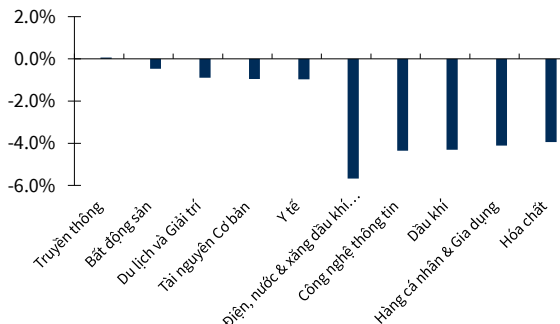
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +3.6**

**VNIndex & HNXIndex**



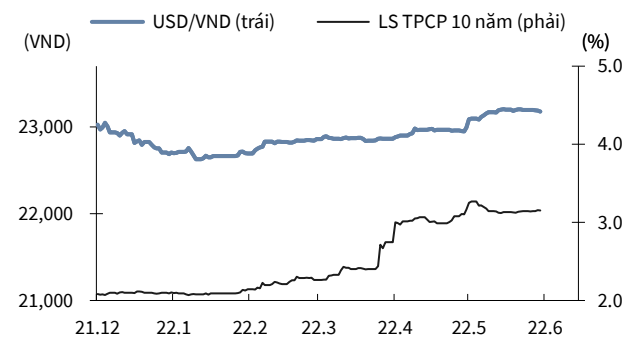
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

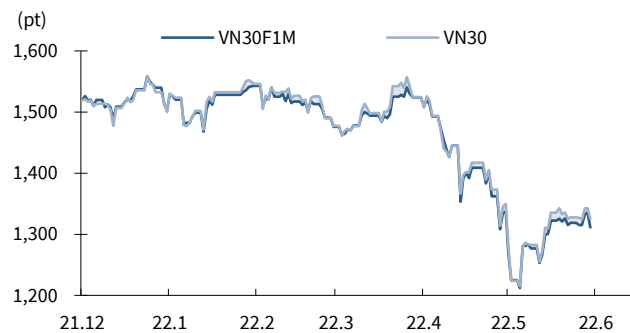
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,325.69 (-1.28%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,311.1 (-1.81%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,328.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,333.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,311.1</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2206 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất ngày -16.2 điểm, sau đó thu hẹp dần trong phiên và biến động quanh mức -10.5 điểm trước khi đóng cửa tại mức -14.59. Khối ngoại giao dịch cân bằng với thanh khoản thị trường tiếp tục giảm.

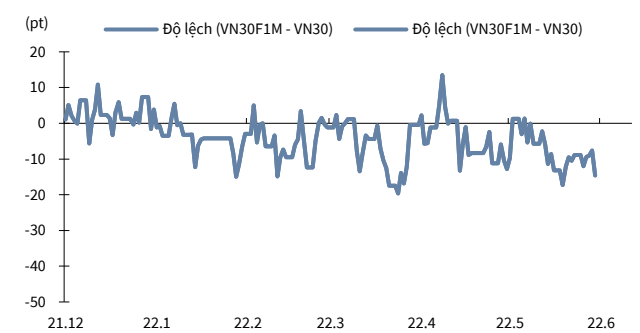
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>234,260 (-11.8%)</b>
------------------	-------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



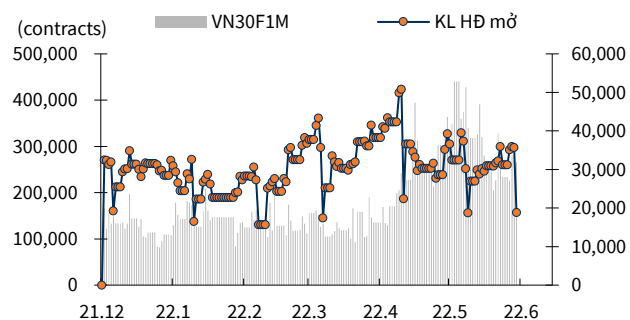
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



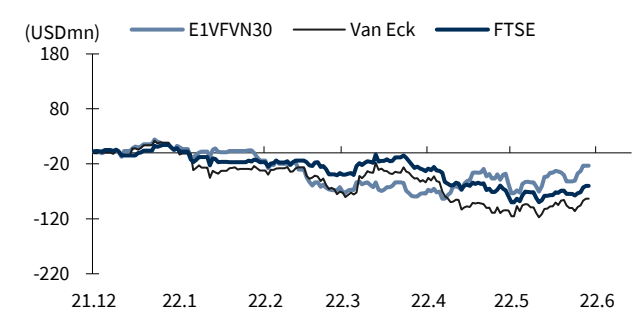
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

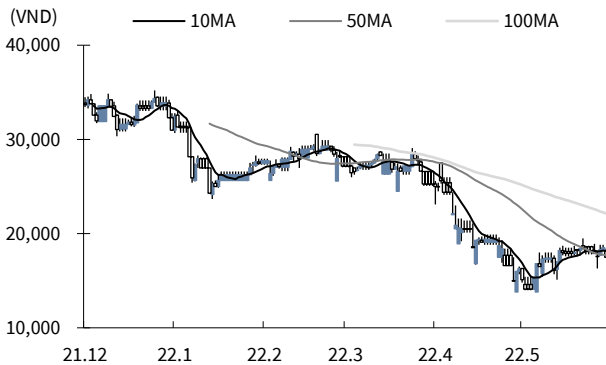
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

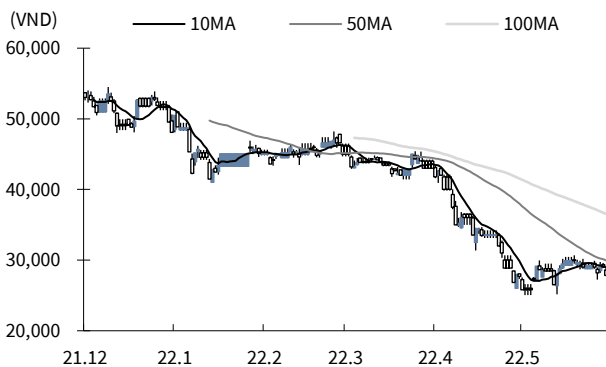


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SHS giảm 5.41% xuống 15,700 VND/cp

- Chứng khoán SHS thông qua việc phát hành 117 triệu cổ phiếu để trả cổ tức 2021 và 45.5 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tổng giá trị theo mệnh giá là 1,626 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ của công ty lên 8,131 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính năm 2021 là 1,170 tỷ đồng, còn nguồn để thưởng cổ phiếu cho cổ đông là từ thặng dư vốn cổ phần.

## CTCP Chứng khoán SSI (SSI)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SSI giảm 3.97% xuống 27,850 VND/cp

- Chứng khoán SSI thông báo trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 23/6, ngày chi trả dự kiến 20/7 và phát hành 497.4 triệu cổ phiếu, tỷ lệ phân phối 50% với giá 15,000 đồng/cp, thời gian chuyển nhượng quyền mua từ 1/7 đến 18/7. Sau khi hoàn tất đợt phát hành, vốn điều lệ công ty dự kiến tăng lên 14,900 tỷ đồng. Ngoài ra, SSI cũng có phương án chào bán tối đa hơn 104 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

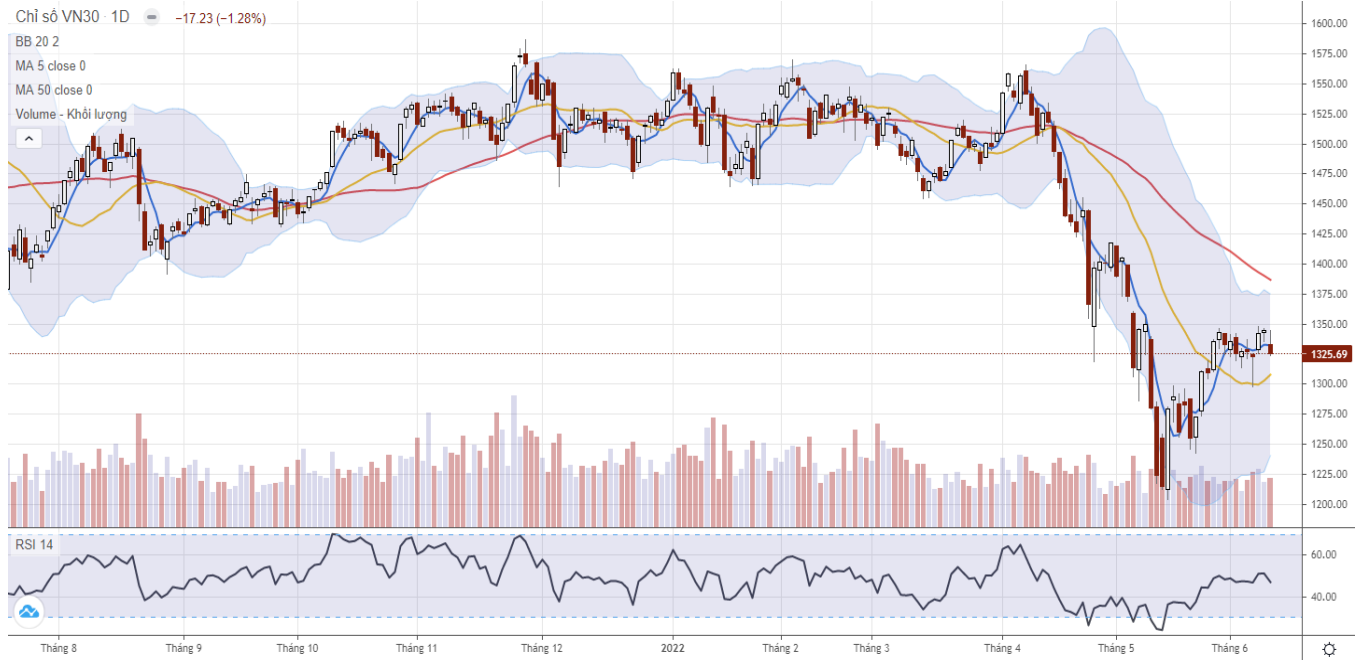
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành trong phiên, VNIndex đảo chiều giảm điểm giảm co trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Chỉ số có một phiên giảm mạnh cùng thanh khoản gia tăng cho thấy áp lực của bên bán đang chiếm ưu thế. VNIndex nhiều khả năng tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tới và mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1260 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy trước khi hồi phục trở lại.
- Sau khi đã chốt lời các vị thế ngắn hạn trong những phiên trước, NĐT có thể kê mua trở lại quanh vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức thấp.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1345 - 1348

Kháng cự gần: 1335 - 1339

Hỗ trợ gần: 1298 - 1303

Hỗ trợ xa: 1285 - 1288

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành trong phiên, F1 đảo chiều giảm điểm giằng co trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Chỉ số có một phiên giảm mạnh cùng thanh khoản gia tăng trong các nhịp sụt giảm cho thấy áp lực của bên bán đang chiếm ưu thế. F1 nhiều khả năng tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên tới và mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần quanh 1300 hoặc sâu hơn quanh 128x nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy trước khi hồi phục trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự hoặc mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

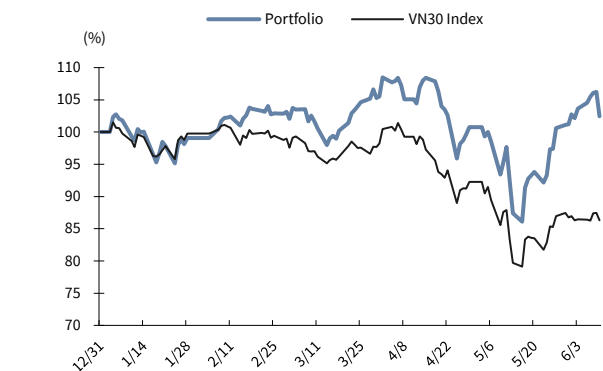
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.28%	-3.58%
Tăng lũy kế (YTD)	-13.68%	2.43%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 10/06/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	150,000	-1.8%	97.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	62,300	-6.9%	10.9%	- Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	120,700	-6.1%	67.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	174,500	-1.4%	-7.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	90,100	-6.9%	227.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	110,000	-4.6%	296.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	27,100	-2.2%	46.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	118,700	-7.0%	73.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	33,600	-0.6%	133.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	45,500	1.6%	227.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	-1.8%	20.7%	64.3
HDB	0.4%	30.8%	40.6
DGC	0.8%	15.8%	36.8
GMD	-6.8%	99.2%	32.6
MSN	-1.3%	10.4%	28.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
E1VFN30	-0.2%	23.6%	-26.6
CTG	-2.2%	23.4%	-32.8
GAS	-7.0%	54.4%	-3.4
VNM	-1.0%	93.0%	-31.0
PVD	-5.6%	12.4%	-15.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	-7.3%	7.3%	2.2
INN	0.5%	1.7%	1.1
PVI	-2.9%	2.3%	0.4
SHS	-5.4%	41.6%	0.3
PSW	-0.6%	14.1%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
OCH	-9.4%	9.4%	-0.7
IDC	-3.4%	8.4%	-0.6
GKM	-2.1%	18.1%	-0.1
HUT	-1.6%	0.0%	-0.1
PLC	-2.2%	1.2%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	6.8%	YEG, ADG
Hóa chất	3.3%	DGC, GVR
Dầu khí	2.7%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	2.2%	TCH, DRC
Xây dựng và Vật Liệu	1.2%	VGC, PC1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	-3.3%	FPT, CMG
Dịch vụ tài chính	-2.2%	SSI, BCG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.7%	GAS, PGV
Bất động sản	-1.0%	VHM, VIC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.4%	PNJ, RAL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	27.2%	GVR, DGC
Dầu khí	23.1%	PLX, PVD
Bán lẻ	22.6%	MWG, FRT
Truyền thông	18.5%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	17.8%	GAS, POW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-3.9%	HPG, DHC
Du lịch và Giải trí	1.9%	DAH, HOT
Y tế	2.4%	DHG, TRA
Bất động sản	3.3%	BCM, DXG
Bảo hiểm	7.3%	MIG, BVH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	150,741 (6.5)	22.5	264.7	93.4	14.7	1.0	3.0	2.9	2.8	-0.1	-1.0	-3.0	-18.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	232,152 (10.0)	26.6	9.3	7.9	35.9	22.8	21.7	2.0	1.6	0.0	-1.6	-2.3	-16.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	83,500 (3.6)	17.8	30.7	20.4	-7.6	7.3	10.2	2.2	2.0	-1.3	1.8	8.5	1.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	207,311 (9.0)	31.3	27.3	21.4	6.7	15.1	16.6	3.7	3.2	0.7	-0.6	-2.5	-15.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	40,059 (1.7)	11.6	19.8	15.6	13.7	13.0	14.3	2.3	2.1	-0.2	0.4	-5.6	-19.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	260,072 (11.2)	13.9	12.4	12.0	-	13.9	12.2	1.4	1.4	-3.6	-4.6	21.5	-31.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	74,485 (3.2)	6.3	14.1	11.6	11.7	21.0	22.1	2.7	2.3	-0.1	0.3	-2.9	-1.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	36,224 (1.6)	12.7	12.8	10.3	-5.3	16.2	17.6	1.8	1.5	-2.0	-1.6	-5.6	-8.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	224,689 (9.7)	0.0	6.1	5.2	14.3	20.7	19.6	1.2	1.0	1.5	4.1	-1.9	-24.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	120,642 (5.2)	1.4	6.9	5.6	50.3	18.2	21.8	1.2	1.0	-2.2	-1.1	7.5	-20.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	337,960 (14.6)	0.0	7.4	7.0	18.8	20.1	16.7	1.3	1.1	-1.9	0.5	-7.2	-13.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	198,087 (8.6)	0.0	6.7	5.3	14.6	24.4	22.8	1.4	1.1	-1.1	0.4	1.7	-4.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	57,474 (2.5)	4.2	7.0	6.1	23.3	22.2	20.6	1.4	1.2	0.4	2.0	7.7	-16.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	410,470 (17.7)	14.0	9.8	8.2	26.5	12.0	16.4	1.1	0.9	-1.8	3.5	-8.4	-30.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	89,068 (3.8)	0.0	7.3	5.8	37.4	22.4	22.5	1.5	1.2	-1.2	-6.8	10.8	-27.6
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	5,907 (0.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.2	-3.5	3.4	-9.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	91,827 (4.0)	21.0	16.8	13.8	15.8	11.0	12.2	1.7	1.6	-2.2	-0.7	10.3	-3.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	14,209 (0.6)	14.2	15.7	12.7	9.1	13.0	15.2	1.7	1.6	-2.0	5.1	-8.4	-26.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	519,544 (22.4)	55.4	11.3	11.8	-3.2	17.4	12.9	-	-	-4.0	-4.8	-0.2	-46.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	172,059 (7.4)	71.9	8.6	-	-4.0	27.1	-	-	-	-6.0	-0.4	10.8	-46.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	95,325 (4.1)	52.4	8.0	-	-19.0	19.5	-	-	-	-4.3	-4.5	-1.3	-50.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	223,699 (9.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-3.8	-1.4	-6.1	-27.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	135,541 (5.9)	42.1	16.0	14.7	4.0	28.0	28.8	4.2	3.9	-1.0	-1.1	-1.6	-19.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,514 (1.2)	36.9	23.0	19.2	7.3	20.0	21.5	4.2	3.8	0.4	1.6	-4.4	4.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	113,459 (4.9)	16.5	26.0	20.0	-51.9	18.6	21.2	4.0	3.4	-1.3	3.7	0.8	-17.9
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	28,199 (1.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	-2.3	5.3	-2.6	-47.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	86,359 (3.7)	11.0	56.2	-	-88.5	7.7	-	-	-	-0.1	0.6	-1.1	-0.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	179,366 (7.7)	10.8	20.9	17.0	-57.0	11.9	13.5	2.4	2.2	-6.8	-6.0	0.0	16.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	112,865 (4.9)	38.4	7.0	34.1	65.7	14.1	2.6	0.9	0.9	-4.3	-5.4	4.2	-56.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	38,469 (1.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.8	-	-	-76.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	259,620 (11.2)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	2.1	8.6	0.0	-41.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	30,930 (1.3)	3.6	47.7	11.5	-52.4	1.3	4.5	-	-	-0.3	-1.0	16.8	-47.9
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	123,590 (5.3)	0.0	14.4	13.0	-4.5	15.5	14.1	2.5	2.2	-6.9	-3.1	19.6	49.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	141,371 (6.1)	46.1	18.5	17.1	-17.5	22.1	20.7	4.1	3.7	-7.0	-4.4	9.9	23.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	32,522 (1.4)	31.4	13.6	12.5	-10.5	14.4	14.5	1.7	1.7	-4.7	12.8	22.4	0.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,570 (0.1)	34.1	15.3	8.1	-5.1	8.4	16.0	-	-	-2.8	4.1	6.7	-21.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	775,560 (33.5)	18.0	5.0	5.0	21.9	31.8	23.7	1.3	1.0	-0.6	0.6	-	-27.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	302,535 (13.1)	36.5	6.2	9.8	-0.5	36.1	19.2	1.7	1.7	-6.9	-2.5	12.9	24.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	235,091 (10.1)	46.5	7.5	10.7	-4.5	35.7	20.6	2.2	2.0	-7.0	-3.1	27.3	7.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	182,441 (7.9)	38.9	3.6	4.3	67.9	29.2	18.5	0.8	0.7	-2.9	-2.0	-	-42.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	52,030 (2.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.8	2.8	4.9	-36.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	61,646 (2.7)	4.6	21.4	16.9	-51.0	10.8	12.3	-	-	-4.1	3.4	5.4	-16.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	187,822 (8.1)	39.9	42.8	21.4	-11.9	1.9	4.1	0.9	0.8	-5.6	-0.9	20.0	-7.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	80,294 (3.5)	35.9	9.4	8.8	2.2	14.6	14.4	1.3	1.3	-6.8	0.9	16.8	-9.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	197,883 (8.5)	0.0	17.2	14.6	14.4	28.1	28.2	4.5	4.1	-1.8	-2.1	7.1	10.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	128,107 (5.5)	0.0	19.6	15.6	2.4	22.3	22.2	3.4	2.9	-6.1	-2.0	17.2	25.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	9,820 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	15.9	45.9	-2.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	140,022 (6.0)	30.3	20.9	18.5	-75.2	29.8	26.0	-	-	-1.4	9.0	20.7	48.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	30,835 (1.3)	34.6	9.8	11.3	41.2	33.0	24.6	2.8	2.5	-4.1	2.9	10.6	-1.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,260 (0.1)	45.4	14.1	13.0	10.7	22.3	21.7	2.9	2.6	0.1	1.2	-4.6	-17.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	243,598 (10.5)	0.0	21.6	16.3	15.5	26.2	27.7	4.7	3.9	-4.6	-3.5	11.8	18.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.